

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 663 /ĐLTKV-KTTC
V/v: Giải trình BCTC năm 2023 sau kiểm toán

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

Tên giao dịch: Tổng Công ty Điện lực - TKV

Trụ sở chính: Số 78 tòa nhà Sannam, ngõ 78 đường Duy Tân, phường
Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Điện thoại: 04 35161605 Fax: 04 35161610

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về
việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán,

Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả
hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo
cùng kỳ năm trước và Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán có điều chỉnh
hồi tố.

Về vấn đề này, Tổng Công ty Điện lực - TKV giải trình thay đổi của Lợi
nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2023
đã được kiểm toán của Tổng Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023 sau kiểm toán	Năm 2022 sau kiểm toán	So sánh	
				Chênh lệch	% CL
1	2	3	4	5 = 3 - 4	6 = [5/4]
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN - Công ty mẹ	547.949.613.729	688.132.531.705	-140.182.917.976	20,37%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN - Hợp nhất	540.010.826.361	690.598.480.300	-150.587.653.939	21,81%

Nguyên nhân:

1. Do năm 2023, Tổng công ty đã điều chỉnh giảm Doanh thu điện của
Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 do quyết toán Nhà máy và giảm Doanh thu
điện của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương & Cao ngạn do điều chỉnh suất tiêu hao
nhiệt. Đồng thời doanh thu hoạt động tài chính của Tổng công ty cũng giảm so
với năm 2022 (chủ yếu giảm lợi tức từ Công ty TNHH BOT Vĩnh Tân 1).



2. Do điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán:

Như đã trình bày tại Mục 7. Thông tin so sánh - Thuyết minh trên BCTC - Công ty mẹ và Mục 6. Thông tin so sánh - Thuyết minh trên BCTC - Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, số liệu điều chỉnh như sau:

Bảng cân đối kế toán - Công ty Mẹ					
Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Ghi chú
NỢ PHẢI TRẢ	300	8.286.253.913.461	88.128.464.949	8.374.382.378.410	
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>	<i>5.036.363.418.646</i>	<i>88.128.464.949</i>	<i>5.124.491.883.595</i>	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	73.870.913.867	(6.980.728.315)	66.890.185.552	(1)
Phải trả ngắn hạn khác	319	68.339.815.236	95.109.193.264	163.449.008.500	(1)
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	8.085.846.822.770	(88.128.464.949)	7.997.718.357.821	
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>8.085.846.822.770</i>	<i>(88.128.464.949)</i>	<i>7.997.718.357.821</i>	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.186.806.647.123	(88.128.464.949)	1.098.678.182.174	
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>776.260.996.654</i>	<i>(88.128.464.949)</i>	<i>688.132.531.705</i>	<i>(1)</i>
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh - Công ty Mẹ					
Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Ghi chú
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	10.638.413.066.316	(95.109.193.264)	10.543.303.873.052	(1)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	10.638.413.066.316	(95.109.193.264)	10.543.303.873.052	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.278.927.864.468	(95.109.193.264)	1.183.818.671.204	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	852.956.341.215	(95.109.193.264)	757.847.147.951	
Tổng lợi nhuận trước thuế	50	851.372.161.534	(95.109.193.264)	756.262.968.270	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	75.111.164.880	(6.980.728.315)	68.130.436.565	(1)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	776.260.996.654	(88.128.464.949)	688.132.531.705	
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ - Công ty Mẹ					
Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Ghi chú
Lợi nhuận trước thuế	01	851.372.161.534	(95.109.193.264)	756.262.968.270	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.888.421.904.911	(95.109.193.264)	2.793.312.711.647	(1)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(691.229.243.563)	95.109.193.264	(596.120.050.299)	(1)

Bảng cân đối kế toán - Hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Ghi chú
NỢ PHẢI TRẢ	300	8.549.442.233.501	88.128.464.949	8.637.570.698.450	
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>	<i>5.250.705.125.743</i>	<i>88.128.464.949</i>	<i>5.338.833.590.692</i>	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	84.598.914.950	(6.980.728.315)	77.618.186.635	(1)
Phải trả ngắn hạn khác	319	71.059.197.586	95.109.193.264	166.168.390.850	(1)
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	8.121.364.166.299	(88.128.464.949)	8.033.235.701.350	
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>8.121.364.166.299</i>	<i>(88.128.464.949)</i>	<i>8.033.235.701.350</i>	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.188.995.696.112	(88.128.464.949)	1.100.867.231.163	
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ này</i>	<i>421 b</i>	<i>778.450.045.643</i>	<i>(88.128.464.949)</i>	<i>690.321.580.694</i>	<i>(1)</i>

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh - Hợp Nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Ghi chú
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	10.769.902.148.670	(95.109.193.264)	10.674.792.955.406	(1)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	10.769.902.148.670	(95.109.193.264)	10.674.792.955.406	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.331.253.050.161	(95.109.193.264)	1.236.143.856.897	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	863.127.833.409	(95.109.193.264)	768.018.640.145	
Tổng lợi nhuận trước thuế	50	858.061.261.726	(95.109.193.264)	762.952.068.462	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	79.334.316.477	(6.980.728.315)	72.353.588.162	(1)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	778.726.945.249	(88.128.464.949)	690.598.480.300	
Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	778.450.045.643	(88.128.464.949)	690.321.580.694	(1)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.140	(193)	947	(2)

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ - Hợp Nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Ghi chú
Lợi nhuận trước thuế	01	858.061.261.726	(95.109.193.264)	762.952.068.462	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.997.443.176.792	(95.109.193.264)	2.902.333.983.528	(1)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(1.609.384.538.321)	913.241.238.264	(696.143.300.057)	(1), (3)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.764.350.722.078	818.132.045.000	2.582.482.767.078	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	409.066.022.500	(818.132.045.000)	(409.066.022.500)	(3)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	(1.377.979.539.212)	(818.132.045.000)	(2.196.111.584.212)	

34-C
Y
/C
PHÂN

(1) Điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ & Hợp Nhất là 95,109 tỷ ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 07 Hợp đồng mua bán điện Nhà máy nhiệt điện Na Dương số 06/2012/HĐ-NMĐ-ND và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 10 Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Cao Ngạn số 06/2012/HĐ-NMĐ-CN về việc điều chỉnh công thức thanh toán giá biên đổi nhiên liệu theo suất tiêu hao nhiệt theo quy định tại Thông tư 57/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 31/12/2020 quy định phương pháp xác định giá điện, hợp đồng mua bán điện.

Do đó dẫn đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và Hợp nhất đều thay đổi (**Ghi chú (1)**).

(2) Điều chỉnh giảm Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Hợp nhất là **193 đồng** do:


- Điều chỉnh giảm doanh thu 95,109 tỷ dẫn đến chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 6,89 tỷ, Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ giảm 88,128 tỷ;

- Ảnh hưởng của số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 11/NQ-ĐHĐCĐ-2023 ngày 29/5/2023 số tiền là 43,629 tỷ.

Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được xác định lại là 947 VND/cổ phiếu (Số đã phát hành kỳ trước là 1.140 VNĐ/cổ phiếu).

(3) Điều chỉnh giảm Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Hợp nhất do trình bày lỗi số học dẫn đến điều chỉnh tăng mã số 11 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Hợp nhất tương ứng.

Đây chính là những nguyên nhân làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong BCTC - Công ty mẹ & Hợp nhất năm 2023 của Tổng công ty sau kiểm toán giảm so với cùng kỳ năm trước.

Tổng công ty trân trọng báo cáo. 

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- HĐQT, TBKS TCTy (b/c);
- Các Phó TGĐ;
- Các phòng: KH, PCTT;
- VP (đăng Website TCT);
- Lưu VT, KTTC, N(12).

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Trí Thịnh